| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 - HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 698/2026/LHST
Ngày: 17/7/2026
Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Lý Thị Thu Hương

*Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Cán bộ Toà án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội:* Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 272 ngày 02 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh T**, sinh ngày 12/11/1995; Căn cước công dân số 001195032212 do Cục Trưởng Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/8/2022.

HKTT và nơi ở: Thôn M, xã P, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn: **Anh Trần Hoài N**, sinh ngày 04/05/1989; Căn cước công dân số 01088006502 do Cục Trưởng Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/02/2023.

HKTT và nơi ở: Thôn M, xã P, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/4/2026 và bản tự khai ngày 8/5/2026 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị T và anh N tự do tìm hiểu, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đến ngày 12/9/2022 đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện X, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chị T và anh N sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N không có con chung.

Về tài sản và nhà ở: Chị T và anh N không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T và anh N không nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng: Hiện nay anh Trần Hoài N đang ăn ở sinh sống thường xuyên tại thôn M, xã P, thành phố Hà Nội. Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T và anh N vẫn không đến Toà án để giải quyết về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T. Do vậy Toà án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Hoài N. Chị T xin được xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung nhà ở và công nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có tài sản và nhà ở, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trần Hoài N theo quy định của pháp luật, anh Trần Hoài N đã vắng mặt phiên toà không có lý do lần thứ nhất. Do vậy Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội đã hoãn phiên toà vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 02/7/2026, căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt anh Trần Hoài N.

**Tại phiên toà hôm nay:**

Chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Hoài N. Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội đã tiến hành tống đạt cho chị Nguyễn Thị Thanh T theo đúng

trình tự, thủ tục pháp luật quy định do đó Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội đã tiến hành xét xử vắng mặt chị T, Căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về tài sản chung nhà ở và công nợ: vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có tài sản và nhà ở, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Trần Hoài N theo quy định của pháp luật, anh Trần Hoài N đã vắng mặt phiên toà không có lý do lần thứ nhất. Do vậy Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội đã hoãn phiên toà vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 02/7/2026, căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt anh Trần Hoài N .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn anh Trần Hoài N.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Hoài N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có con chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản và nhà ở: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không nợ ai, và không ai nợ anh chị, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định: Chị

Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2022, tại Uỷ ban nhân thị trấn P, huyện X, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ, chồng chị T và anh N đã sinh sống tại xã P, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2023. Nay chị Nguyễn Thị Thanh T làm đơn xin ly hôn với anh Trần Hoài N. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Hoài N. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T với anh N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Hoài N.

Bị đơn anh Trần Hoài N đã được tống đạt niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm; Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa để anh N biết những vấn đề cụ thể mà chị T xin ly hôn anh N. Đồng thời triệu tập anh N đến tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên anh N không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, không cung cấp giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa. Do đó anh N không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà chị T giao nộp và tòa án thu thập được theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có nhà ở, tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc "Ly hôn".

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Hoài N.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không có, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Hoài N không nợ ai và không ai nợ anh chị, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp theo biên lai số 0011046, Ký hiệu: BLTU/26E ngày 08/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và Anh Trần Hoài N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Kim Liên**

**Nơi nhận:**
*- TAND thành phố Hà Nội;*
*- VKSND Khu vực 11 – Hà Nội;*
*- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Hà Nội;*
*- UBND thị trấn P (nay là xã P), thành phố Hà Nội (số 61/2022 ngày 12/9/2022);*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*